

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Śéc ĩĕp - Tù do - H¹nh Phóc**

Bản án số: 15 /2023/ HNGĐ-ST

Ngày: 14-7-2023.

V/v: “Kiện xin ly hôn và tranh
chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thùy Hương và bà Nguyễn Thị Hải;

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hàn, Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án Nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 21/2023/TLST- HNGĐ , ngày 10 tháng 3 năm 2023, về việc xin ly hôn và tranh chấp nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1993.Trú tại: Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Q. Chị L có đơn xin vắng mặt.

-Bị đơn: Anh Phan Văn K, sinh năm 1990. Trú tại: Thôn 5, xã B, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.Vắng mặt không có lý do.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 10/2018, ngày 24/01/2018 của UBND xã B, huyện B, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị L và anh K kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Q vào ngày 24 tháng 01 năm 2018; sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân vì anh K rơi vào chơi lô đề, rượu chè, cờ bạc, không lo làm ăn, thường đánh đập chị L và đập phá tài sản trong nhà. Hiện tình cảm không còn, không thể hàn gắn được, hai vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị L xin ly hôn anh K. Hai vợ chồng có con chung là Phan Bảo Q, sinh ngày 09/12/2018, sau ly hôn chị L xin được nuôi con, không

yêu cầu anh K đóng góp phí tổn nuôi con. Về tài sản chung và công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Tranh chấp phát sinh giữa chị Nguyễn Thị L và anh Phan Văn K là tranh chấp ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp trên thuộc thẩm quyền của Tòa án Nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi làm đơn khởi kiện, chị L đã nộp tiền tạm ứng án phí và giao nộp những tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch đã thụ lý đơn khởi kiện. Chị L đã làm bản tự khai, đơn yêu cầu xin vắng mặt, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị L, có tại hồ sơ vụ án. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và chị L đã làm đầy đủ các thủ tục tố tụng. Do vậy, Tòa án Nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Trong bản tự khai ngày 24/3/2023 mẹ anh Khánh là bà Nguyễn Thị H (ở cùng nhà với anh K) thừa nhận gia đình đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng mà Tòa án đã gửi cho anh K, gia đình có liên lạc báo cho anh K; hiện anh K vẫn có Hộ khẩu ở xã B, huyện B, tỉnh Q, nay anh K đi làm ăn ở Hà Nội (Tòa án cũng đã giao trực tiếp các văn bản tố tụng cho mẹ anh K là bà Nguyễn Thị H có sự chứng kiến của cán bộ Tư pháp xã B và người làm chứng). Bà H đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Phiên tòa lần thứ nhất anh K vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã hoãn phiên tòa, tại phiên tòa lần hai anh K vẫn vắng mặt không có lý do; việc kéo dài thời gian giải quyết vụ án ảnh hưởng tâm lý, ổn định cuộc sống và công việc, quyền lợi của đương sự. Do vậy, căn cứ vào điểm a,b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh K kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Q vào ngày 24/01/2018; đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, tình cảm không thể hàn gắn được; hai anh chị sống ly thân từ lâu, không quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật hôn nhân gia đình, xử chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Phan Văn K là có căn cứ.

[3].Về con chung: Hai vợ chồng có con chung là Phan Bảo Q, sinh ngày 09/6/2018, từ trước tới nay sống với chị L, nay còn nhỏ, chị L cam đoan có đủ điều kiện để nuôi con, nên giao cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị L không yêu cầu nên anh K không phải đóng góp phí tổn nuôi con là có căn cứ.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5]. Về án phí: Chị L chịu nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung công quỹ Nhà nước.

[6]. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử, chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Phan Văn K.

2. Về con chung: Giao con chung là Phan Bảo Q, sinh ngày 09/6/2018 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh K không phải đóng góp phí tổn nuôi con.

Sau này chị L hoặc anh K có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và phí tổn nuôi con. Cấm chị L ngăn cản anh K quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung và công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L chịu nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) chị L đã nộp theo Biên lai số 0002710 ngày 10 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình; như vậy, chị L đã nộp đủ án phí.

5. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/7/2023)

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bồ Trạch(2)
- Chi cục THADS huyện Bồ Trạch;
- Chị Nguyễn Thị L;
- Anh Phan Văn K;
- Ban Tư pháp xã B;
- Lưu hồ sơ, vpTòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thanh Vân

